

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 144

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở nấu thịt heo, nắm kim châm, củ cải, cải caron, hoa hồi, ngò gai, húng quế, hành tây
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá cờ chiên sốt cà chua, hành lá
- Canh khoai mỡ nấu tôm tươi, hành lá, ngò rí
- Cải ngồng luộc
Xế: Bánh rau câu
Xế chiều: Nui rau củ nấu thịt bò, bí ngòi, bông cải trắng, cải bó xôi, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	700	3,140	21,980
2	0494	Đường cát	3,300	3,880	128,040
3	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,400	79,200
5	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám...)	1,000	6,280	62,800
6	0004	Gạo tẻ máy	7,300	2,560	186,880
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	6,300	28,350
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,820	30,870
9	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
10	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
11	0645	Bánh phở khô	2,100	8,800	184,800
12	0098	Cải xanh	600	5,990	35,940
13	0103	Củ cải trắng	600	3,050	18,300
14	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
15	N0965	Nắm kim châm	300	10,610	31,830
16	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
17	N0770	Thịt nạc dăm	1,500	18,590	278,850
18	0739	Quế	40	61,600	24,640
19	0087	Cà chua	1,900	6,300	119,700
20	0654	Phi lê cá cờ	5,000	21,950	1,097,500
21	0717	Cải ngồng	1,100	5,150	56,650
22	0751	Khoai mỡ	3,900	4,620	180,180
23	0424	Tôm sú	1,200	30,980	371,760
24	N0937	Nui sò	2,400	3,060	73,440

25	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	600	6,720	40,320
26	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	500	9,030	45,150
27	N0779	Cải bó xôi	600	8,820	52,920
28	0286	Thịt bò loại II	1,600	36,750	588,000
29	N0879	Nước cốt dừa	900	11,430	102,870
30	0149	Rau câu khô	150	57,200	85,800
31	N0848	Lá dứa (lá nếp)	150	4,100	6,150
32	0459	Sữa đặc có đường Việt Nam	660	9,316	61,486
33	0457	Sữa bột toàn phần	5,506.07	20,500	1,128,744
34	0686	Sữa tươi Vinamilk	1,100	4,091	45,001
35	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
36	N0918	Phô mai Con Bò Cười	75	40,666.7	30,500
37	0256	Quả thanh long	500	5,150	25,750
Tổng cộng					5,328,001

Tổng tiền thực phẩm	5,328,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,328,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	61,050,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	61,049,998

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan